

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2022
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Sửu
2. Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Triệu T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 2000

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố H. Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội, địa chỉ: xã Y, huyện B, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 03/10/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Triệu T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh M kết hôn vào ngày 29/10/2018, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L. Kết hôn

xong chị M về chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Ngoài ra, chị M thường xuyên ăn chơi, không chăm lo gia đình, nghiện ma túy, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2019 đến nay. Gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không được. Đến tháng 01/2022, chị M bị cơ quan Nhà nước ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 2 Hà Nội cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh xin được ly hôn chị M.

Con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề xét xử vắng mặt do chị đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 2 Hà Nội). Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022, chị M trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân như anh T trình bày là đúng. Đến tháng 01/2022, chị bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chị đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 2 Hà Nội từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm. anh T xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh T.

Con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Như anh T trình bày là đúng và chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết cho anh T được ly hôn chị M; con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đương sự xác định không có và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Triệu T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “*Ly hôn*”. Nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết và anh Triệu T (nguyên đơn) có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị M đã có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh M nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Triệu T và chị Nguyễn Thị Thanh M là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị M chơi bời, nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn chị M, chị M cũng nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị M đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc gia đình và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh T xin ly hôn chị M là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự xác nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho anh Triệu T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh M.

[2] Án phí: Anh Triệu T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0006465 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã Đ (số Đ.ký 88 ngày 29/10/2018);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga